TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH BẮC K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50/2017/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 25 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 57/2017/TLST/HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Ma Quang Đ** – Sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm C, xã Trung H, huyện Đ, tỉnh T.

Bị đơn: Chị **Triệu Thị S** – Sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh **Ma Quang Đ** – Sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm C, xã Trung H, huyện Đ, tỉnh Thái N.

Bị đơn: Chị **Triệu Thị S** – Sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân**:** Anh Ma Quang Đ và chị Triệu Thị S nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Ma Quang Đ và Chị Triệu Thị S có một con chung tên là Ma Thị M, sinh ngày 19/10/2015. Sau khi ly hôn anh Đ và chị S thỏa thuận, thống nhất giao con chung là cháu Ma Thị M, sinh ngày 19/10/2015 cho chị S được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị S là 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*/ 1 tháng.

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung**:** Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về khoản vay, nợ chung**:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.5. Về án phí**:** Anh Đ và chị S mỗi người phải chịu 75.000đ *(Bảy mươi năm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Đ phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Ghi nhận việc anh Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con với tổng số tiền là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 05871 ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Anh Đ đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã N;
- TAND tỉnh kèm theo biên bản ghi nhận.
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Hường